

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26/02/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc.

2. Ông Vũ Văn Hữu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Đ B.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2019/HNGĐ-ST ngày 14/01/2019 về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị G T C - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bản H L, x S L, huyện M C, tỉnh Đ B - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh H S G - Sinh năm 1974. Địa chỉ: Bản H L, x S L, huyện M C, tỉnh Đ B - Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị G T C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H S G sau khi tìm hiểu về nhau, anh chị muốn được xây dựng gia đình với nhau, anh chị về nói chuyện với hai bên gia đình, được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 1990, anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị về chung sống với nhau là tự nguyện, không ai ép buộc, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Giàng nghiện chất ma túy, đem toàn bộ tài sản của gia đình đi bán lấy tiền để mua ma túy để sử dụng, từ những vấn đề đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mỗi lần xảy ra cãi nhau anh Giàng đánh đập chị, năm 2016 anh Giàng bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đến tháng 6/2018 về nhà, từ ngày về nhà anh Giàng lại tiếp tục

lao vào con đường nghiện ma túy, trong cuộc sống giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều sự việc chị không thể nhớ nổi, chị bị anh Giàng đánh đập quá nhiều, chị không thể chịu được, chị đã bỏ nhà đi về nhà bố mẹ để chị ở từ đầu tháng 7/2018 cho đến nay, hiện anh chị đang sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Giàng, Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và để đảm bảo cho cuộc sống của chị sau này. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H S G

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, cháu H A M sinh năm 1992, Hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi có:

+ 01 ngôi nhà gỗ 4 gian lập pro xi măng và một gia bên trị giá khoảng 50.000.000 đồng làm trên diện tích đất khoảng 100 m² ở tại bản H L, x S L, huyện M C.

+ Một đám ruộng gồm 10 thửa diện tích khoảng 4.000 m² trị giá khoảng 50.000.000 đồng thuộc khu vực bản H L, x S L, một bên giáp nương Lý A Súa, một bên giáp ruộng Lý Dụ Cáng, một bên giáp ruộng Lý Sổng Dính một bên giáp ruộng Hồ Trùng Lâu.

+ Một đám nương lúa thuộc khu vực bản Háng Lìa có diện tích khoảng 9.000 m² trị giá khoảng 40.000.000 đồng, một bên giáp nương Tráng Trù Chế, một bên giáp nương Hồ pàng Nhè, một bên giáp nương Tráng Sáy Vàng một bên giáp nương Hồ Phái Quả.

+ Một đám nương lúa thuộc khu vực bản Háng Lìa diện tích khoảng 3.000 m² trị giá khoảng 20.000.000 đồng, một bên giáp nương Chớ Chứ Cháng, ba bên còn lại giáp rừng phòng hộ.

+ Một đám nương sắn thuộc khu vực bản Háng Lìa diện tích khoảng 9.000 m² trị giá khoảng 60.000.000 đồng, một bên giáp nương của Hồ Khoa Chia, ba bên giáp đồi cây cao su.

Toàn bộ đất làm nhà, đất ruộng và đất nương anh chị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về số tài sản chung của anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị sẽ tự thuận với nhau.

Về nợ: Anh chị không nợ và cũng không có ai nợ anh chị.

* Tại bản tự khai ngày 01/02/2019 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H S G trình bày.

- Về hôn nhân: Anh và chị G T C sau khi tìm hiểu về nhau, năm 1990 anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới với nhau nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Anh chị về chung sống hạnh phúc, cho đến thời gian gần đây anh chị mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là mâu thuẫn trong cuộc sống

sinh hoạt hàng ngày chưa đến mức phải yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với nhau, nay cô C yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh còn tình cảm vợ chồng với chị C, anh mong chị C rút đơn khởi kiện quay về đoàn tụ gia đình, nhưng nếu chị C cứ cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung, cháu H A M sinh năm 1992, Hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi có:

+ 01 ngôi nhà gỗ 4 gian lập pro xi măng và một gia bên trị giá khoảng 50.000.000 đồng làm trên diện tích đất khoảng 100 m² ở tại bản H L, x S L, huyện M C.

+ Một đám ruộng gồm 10 thửa diện tích khoảng 4.000 m² trị giá khoảng 50.000.000 đồng thuộc khu vực bản H L, x S L, một bên giáp nương Lý A Súa, một bên giáp ruộng Lý Dụ Cánh, một bên giáp ruộng Lý Sống Dính một bên giáp ruộng Hồ Trùng Lầu.

+ Một đám nương lúa thuộc khu vực bản Háng Lìa có diện tích khoảng 9.000 m² trị giá khoảng 40.000.000 đồng, một bên giáp nương Tráng Trù Chế, một bên giáp nương Hồ pàng Nhè, một bên giáp nương Tráng Sáy Vảng một bên giáp nương Hồ Phái Quả.

+ Một đám nương lúa thuộc khu vực bản Háng Lìa diện tích khoảng 3.000 m² trị giá khoảng 20.000.000 đồng, một bên giáp nương Chớ Chứ Cháng, ba bên còn lại giáp rừng phòng hộ.

+ Một đám nương sắn thuộc khu vực bản Háng Lìa diện tích khoảng 9.000 m² trị giá khoảng 60.000.000 đồng, một bên giáp nương của Hồ Khoa Chía, ba bên giáp đồi cây cao su.

Toàn bộ đất làm nhà, đất ruộng và đất nương anh chị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về số tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị sẽ tự thỏa thuận.

* Về nợ: Anh chị không nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M C theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh H S G có đơn đề nghị Tòa án xem xét xử vắng mặt vì đang có công việc gia đình cần giải quyết ngay không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham xét xử được (đề nghị của anh Giàng được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/02/2019). Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh H S G là có cơ sở cần được chấp nhận. Chị G T C có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H S G theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định chị G T C là nguyên đơn, anh H S G là bị đơn.

* Về nội dung vụ án:

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy việc chị G T C và anh H S G về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị G T C có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G T C và anh H S G.

[4] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung, cháu H A M sinh năm 1992, Hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết

[5] *Về tài sản chung*: Tại biên bản hòa giải ngày 01/02/2019 Anh Giàng và chị C sẽ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án và phần quyết định của bản án. Vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận yêu cầu của anh Giàng, chị C, không đặt vấn đề giải quyết tài sản chung của anh chị trong vụ án này, khi nào một trong hai bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Về nợ: Anh chị không nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị G T C là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, cần miễn toàn bộ án phí DSST cho chị C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; các Điều 15; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G T C và anh H S G.

2. *Về tài sản chung*: Anh H S G và chị G T C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí:* Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị G T C.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị G T C, có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/02/2019). Anh H S G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Đ B;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỖNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 02 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Đ B.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hữu.

2. Ông Khoàng Văn Hặc.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2019/HNGĐ-ST ngày 14/01/2019 về việc ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn hôn giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị G T C - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bản H L, x S L, huyện M C, tỉnh Đ B.

2. *Bị đơn*: Anh H S G - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bản H L, x S L, huyện M C, tỉnh Đ B.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; các Điều 15; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G T C và anh H S G.

2. *Về tài sản chung*: Anh H S G và chị G T C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho Chị G T C.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Các sự chị G T C, có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2018). Anh H S G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 26 tháng 02 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khoàng Văn Hạc

Vũ Văn Hữu

Lò Văn Đình